

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT

Ngày: 25 - 7 - 2019

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa

Các Thẩm phán: Ông Lương Tiến Phương

Bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Mỹ N**, sinh năm 1973; địa chỉ: (LK3-14) Khu đô thị mới P1, P2, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **La Vĩnh L** (tên gọi khác: La Thị L), sinh năm; 1973; địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên (văn bản ủy quyền ngày 05/6/2019, có lời chứng của Công chứng viên Phòng công chứng số y Thành phố Hà Nội) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Bá T**, sinh năm: 1960; địa chỉ: Tổ dân phố n, phường B, thành phố P, tỉnh Điện Biên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **La Vĩnh L** (tên gọi khác: La Thị L), sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

- Ông **Đặng Văn T**, sinh năm: 1965; địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn T: Bà La Vĩnh L (tên gọi khác: La Thị L), sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên (văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019, có xác nhận của UBND phường T, thành phố P) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Hoàng Bá T là bị đơn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Mỹ N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/6/2014, thông qua bà La Vĩnh L, bà Phạm Mỹ N cho ông Hoàng Bá T vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), ông Hoàng Bá T có viết giấy biên nhận, hẹn đến 20/7/2014 sẽ trả cả gốc và lãi, nhưng trong giấy biên nhận không ghi thỏa thuận lãi. Ông Hoàng Bá T vay để làm gì bà N không biết. Bà N có nhờ bà L cầm giấy đăng ký xe ô tô BKS - 27B - 00225 của ông Hoàng Bá T. Giấy này bà N đã đồng ý để bà L đã trả lại cho ông Hoàng Bá T vào ngày 28/6/2014, vì giấy không mang tên ông Hoàng Bá T mà tên Công ty H do ông Hoàng Bá T làm giám đốc. Đến nay ông Hoàng Bá T chưa trả tiền vay cho bà N, mặc dù bà N đã đòi nhiều lần. Bà N yêu cầu ông Hoàng Bá T trả 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng) lãi nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Mỹ N rút một phần yêu cầu khởi kiện, đó là rút yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 12/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Bá T trình bày:

Ngày 20/6/2014 tại nhà bà La Vĩnh L, ông Hoàng Bá T có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để giải quyết công việc cá nhân, hẹn ngày 20/7/2014 trả. Hai bên có thỏa thuận lãi nhưng không ghi vào giấy biên nhận. Giấy biên nhận bà L nộp cho Tòa án là do ông Hoàng Bá T viết và ký phần người vay. Khi vay, bà L nói bà L không có tiền nên lấy tiền của bà Phạm Mỹ N cho ông Hoàng Bá T vay, nên ông Hoàng Bá T đã viết thêm tên Phạm Mỹ N vào giấy biên nhận. Ông Hoàng Bá T để lại đăng ký xe ô tô BKS 27B – 00225 cho bà L để làm tài sản bảo đảm. Đăng ký xe mang tên Công ty vận tải H do ông Hoàng Bá T làm giám đốc. Sau 01 tuần, ông Hoàng Bá T đã trả 300.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi cho bà L và bà L đã trả giấy đăng ký xe cho ông Hoàng Bá T, bà L viết vào giấy biên nhận việc ông Hoàng Bá T nhận lại giấy tờ xe mà không xé giấy biên nhận đi. Việc trả tiền không viết giấy biên nhận do tin tưởng nhau, nhưng có ông Phạm Đình Q chứng kiến (hiện ông Hoàng Bá T không biết địa chỉ ông Q ở đâu). Ông Hoàng Bá T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà N.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/2/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T và bà La Vĩnh L trình bày:

Việc vay mượn tiền giữa ông Hoàng Bá T và bà N là có thật, khi ông Hoàng Bá T đến vay tiền thì bà L đã nói với ông Hoàng Bá T là bà L không có tiền cho vay, bà L chỉ hỏi bà Phạm Mỹ N hộ ông Hoàng Bá T. Khi bà L hỏi thì bà N đồng ý cho ông Hoàng Bá T vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thông qua bà L, do đó trong giấy biên nhận ông Hoàng Bá T mới ghi “...*tôi vay của bà Phạm Mỹ N...*”, nhưng việc vay tiền thông qua bà L nên ông Hoàng Bá T có ghi tên T L vào giấy biên nhận, tiền ông Hoàng Bá T vay không phải của bà L, ông Đặng Văn T. Bà chưa được nhận khoản tiền trả nợ nào của ông Hoàng Bá T. Bà L có cầm hộ bà N giấy đăng ký xe do ông Hoàng Bá T giao cho khi vay tiền, nhưng vì đăng ký xe mang tên Công ty chứ không mang tên ông Hoàng Bá T nên bà L đã trả cho ông Hoàng Bá T sau khi được bà N đồng ý.

Tại Bản án số: 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 166, khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 138.000.000 đồng lãi quá hạn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Mỹ N đối với số tiền gốc; Ông Hoàng Bá T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Mỹ N số tiền gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/4/2019 Tòa án nhân dân thành phố P nhận được Đơn kháng cáo của ông Hoàng Bá T với nội dung không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do:

- Bà N là nguyên đơn khởi kiện là chưa thỏa đáng vì ông không quen biết bà N, ông không giao dịch hay thỏa thuận nào liên quan đến khoản vay 300.000.000 đồng với bà N.

- Giấy biên nhận vay tiền do bà N nộp là tờ giấy phô tô từ giấy biên nhận gốc trước đây nên không có giá trị pháp lý (bị vô hiệu); khoản tiền vay 300.000.000 đồng tại giấy biên nhận này ông và ông Q đã trả đầy đủ cho bà L và đã được bà L trả lại giấy tờ xe ô tô.

- Bà N đã vi phạm về thời hiệu khởi kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Bá T bổ sung kháng cáo với nội dung: Giấy biên nhận ngày 20/6/2014 bà N cung cấp cho Tòa án là bản gốc, nhưng giấy biên nhận này hai bên (bên vay và bên cho vay) đã thống nhất bỏ đi và viết lại giấy biên nhận khác có chữ ký của 3 người gồm ông Phạm Đình Q, ông Hoàng Bá T, bà La Vĩnh L. Vì vậy ông Hoàng Bá T không chấp nhận chứng cứ này của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn bà Phạm Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Bá T phải khoản nợ gốc cho bà N là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tại Giấy biên nhận ngày 20/6/2014.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; đề nghị HĐXX phúc thẩm bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố P xác định quan hệ pháp luật là “*Kiện đòi tài sản*” và thụ lý giải quyết vụ án là xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 08/4/2019 ông Hoàng Bá T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên. Đơn kháng cáo được làm trong thời hạn luật định, do đó kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Ông Hoàng Bá T kháng cáo cho rằng bà Phạm Mỹ N là nguyên đơn khởi kiện là chưa thỏa đáng vì ông không có quan hệ hoặc quen biết gì với bà N, ông không có giao dịch hay thỏa thuận nào liên quan đến khoản vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) với bà N.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông Hoàng Bá T thừa nhận có vay tiền của bà N số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thông qua vợ chồng ông Đặng Văn T, bà L để giải quyết công việc cá nhân và khẳng định số tiền vay của bà N đã trả hết

qua bà L (Biên bản hòa giải ngày 08/3/2019 - BL 166; Biên bản hòa giải ngày 12/6/2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên - BL 210).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Vĩnh L và ông Đặng Văn T khẳng định số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) ông Hoàng Bá T vay ngày 20/6/2014 là tiền của bà Phạm Mỹ N, bà N cho ông Hoàng Bá T vay tiền nhưng không trực tiếp giao tiền cho ông Hoàng Bá T mà đưa qua vợ chồng T L, tại thời điểm đó ông Hoàng Bá T và bà N đã được trao đổi, thỏa thuận qua điện thoại trước sự có mặt của ông bà T L. Do đó ông Đặng Văn T, bà L nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Bá T thừa nhận tên người cho vay “Phạm Mỹ N” trong giấy vay tiền ngày 20/6/2014 do ông tự nguyện viết vì ông tin đó là tiền của bà N.

Như vậy có đủ căn cứ xác định ông Hoàng Bá T vay bà Phạm Mỹ N 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thông qua ông bà T L là có thật. Do đó bà Phạm Mỹ N có quyền khởi kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Trong đơn kháng cáo ông Hoàng Bá T cho rằng giấy biên nhận vay tiền do bà N nộp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện là tờ giấy phô tô nên không có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giấy biên nhận ngày 20/6/2014 bà N nộp cho Tòa án là văn bản gốc (bản chính), được viết bằng mực đen, có chữ ký và chữ viết trực tiếp của ông Hoàng Bá T. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Bá T đã được xem và công nhận giấy biên nhận đó là bản gốc. Do đó, giấy biên nhận này là chứng cứ hợp pháp để xem xét, giải quyết trong vụ án theo quy định tại Điều 93, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Bá T cho rằng: Giấy biên nhận ngày 20/6/2014 bà N giao nộp cho Tòa án làm chứng cứ đòi nợ đã được hai bên thống nhất hủy bỏ và viết lại giấy biên nhận khác cùng ngày, có nội dung: Người cho vay tiền là Phạm Mỹ N và La Vĩnh L, người vay là Hoàng Bá T, người làm chứng là Phạm Đình Q, trong giấy đó có chữ ký của ông Q, bà L và ông Hoàng Bá T; giấy biên nhận này ông Hoàng Bá T đã thu lại sau khi trả hết nợ cho bà L. Tuy nhiên, ông Hoàng Bá T xác nhận không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến trên của mình; đồng thời ông cũng không cung cấp được địa chỉ của ông Q để Tòa án thu thập, xác minh làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận ý kiến bổ sung kháng cáo của ông Hoàng Bá T.

[2.4] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Bá T còn cho rằng: Trong giấy biên nhận ngày 20/6/2014 có đóng dấu xác nhận của UBND phường T, thành phố P với nội dung “*Việc vay tiền của ông Hoàng Bá T với bà L ngày 20/6/2014 là đúng, có chứng kiến của UBND*”, nội dung này không đúng sự thật nên ông không chấp nhận chứng cứ của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bà L thừa nhận: vào khoảng cuối năm 2017 bà đã tự ý mang giấy biên nhận này ra UBND phường T xin xác nhận với mục đích là để làm tăng giá trị pháp lý cho nội dung thỏa thuận vay tiền. Quá trình giải quyết bà L và ông Hoàng Bá T đều thừa nhận việc giao dịch vay tiền được thực hiện tại gia đình bà L, không có sự chứng kiến của UBND phường T. Do đó, nội dung xác nhận của UBND phường T không đúng sự thật, không có giá trị, vì vậy HĐXX không đề cập xem xét nội dung này trong vụ án.

Mặc dù nội dung xác nhận của UBND phường T không có giá trị pháp lý, nhưng không làm ảnh hưởng đến tính khách quan của các nội dung khác trong giấy biên nhận. Vì vậy Giấy biên nhận ngày 20/6/2014 vẫn được coi là chứng cứ để HĐXX xem xét, đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.5] Ông Hoàng Bá T kháng cáo cho rằng khoản tiền vay tại giấy biên nhận ngày 20/6/2014 ông đã trả hết cho bà L vào ngày 28/6/2014 và bà L đã trả lại cho ông giấy tờ xe ô tô (là vật bảo đảm cho khoản vay), việc vay và trả tiền có sự chứng kiến của ông Phạm Đình Q. Tuy nhiên ông Hoàng Bá T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã trả tiền cho bà L cũng như không cung cấp được địa chỉ của ông Q cho Tòa án để tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Hoàng Bá T.

[2.6] Ông Hoàng Bá T cho rằng bà N đã vi phạm về thời hiệu khởi kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 256 BLDS năm 2005 quy định về quyền đòi lại tài sản thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản phải trả lại tài sản đó. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011 quy định “Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, quyền đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”. Do đó, nội dung khởi kiện đòi nợ của bà N không vi phạm về thời hiệu.

[2.7] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy rằng nội dung giải quyết tranh chấp tại Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Bá T.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Bá T không được chấp nhận nên ông Hoàng Bá T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, khoản 1 Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên.

- Ông Hoàng Bá T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Mỹ N số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Mỹ N cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, nếu ông Hoàng Bá T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng ông Hoàng Bá T còn phải trả cho bà N khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Hoàng Bá T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002262 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên. Ông Hoàng Bá T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (25/7/2019).

Nơi nhận:

- TAND TP P;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Hòa